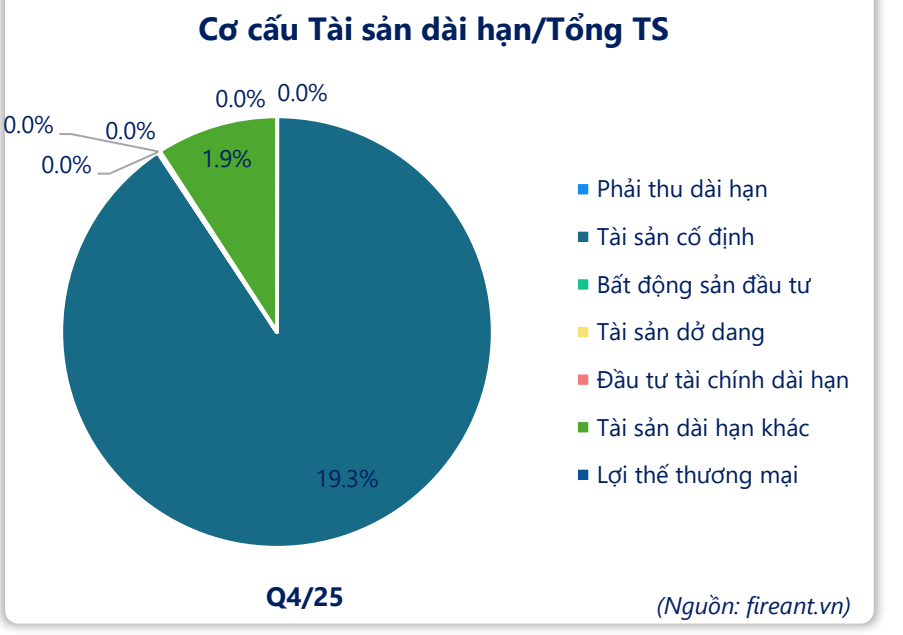
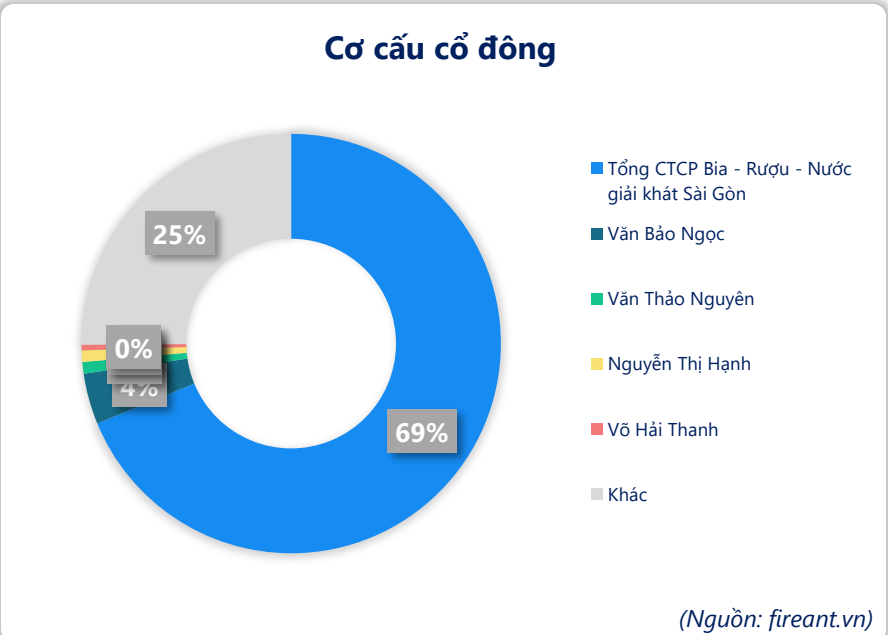
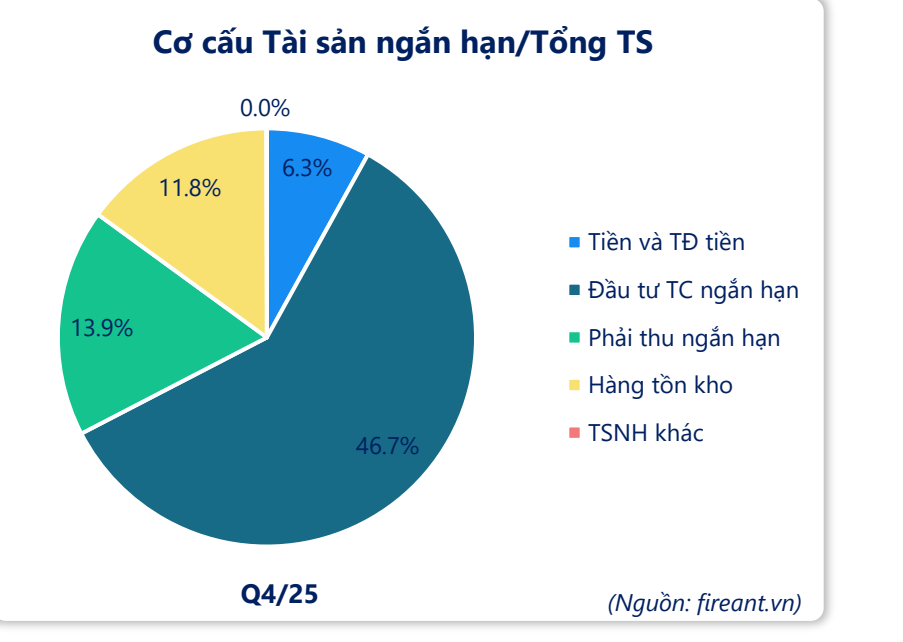
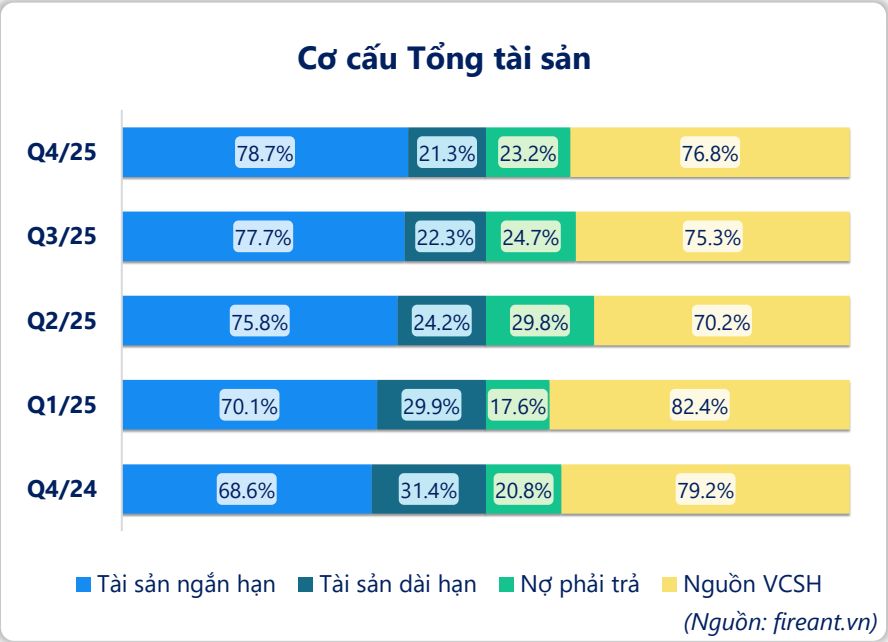
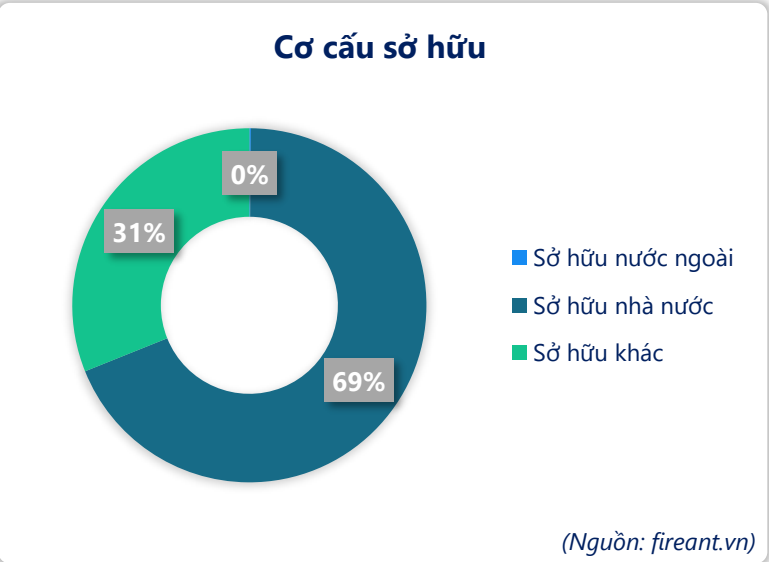
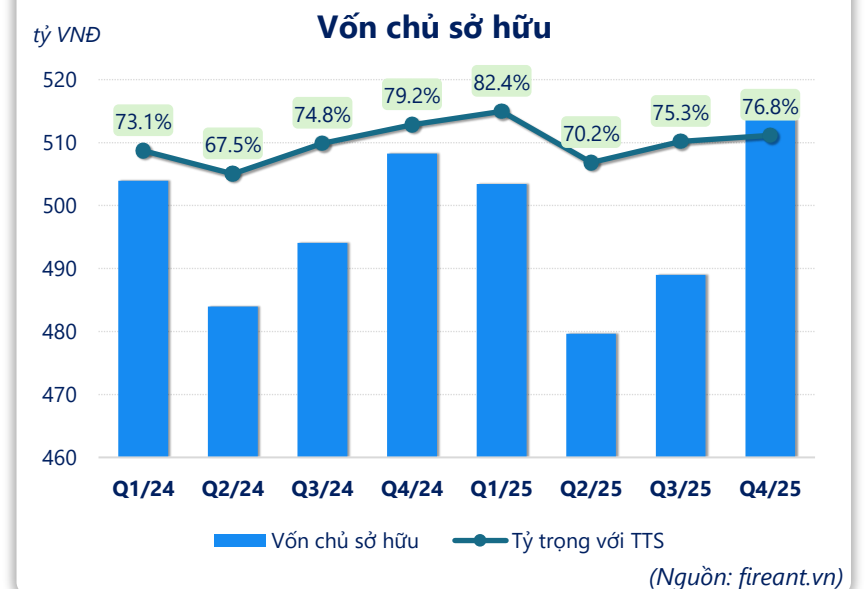
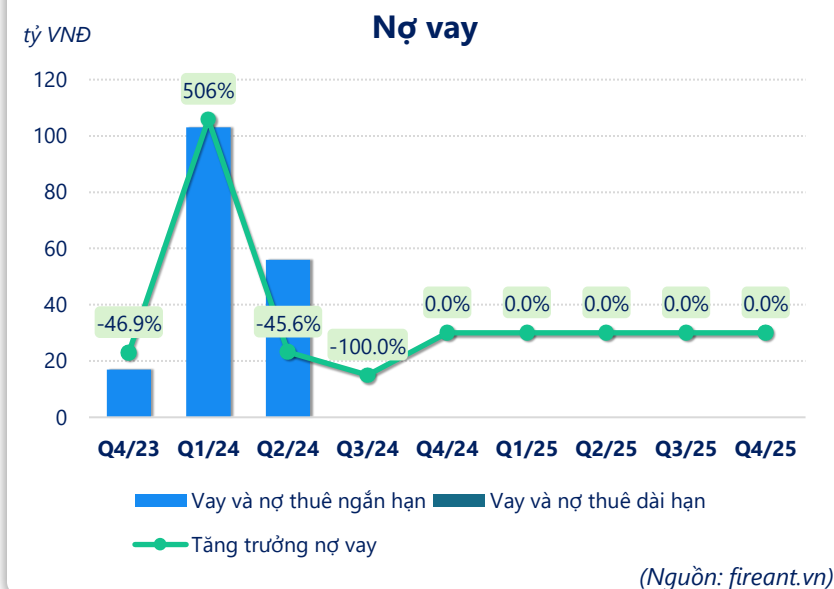
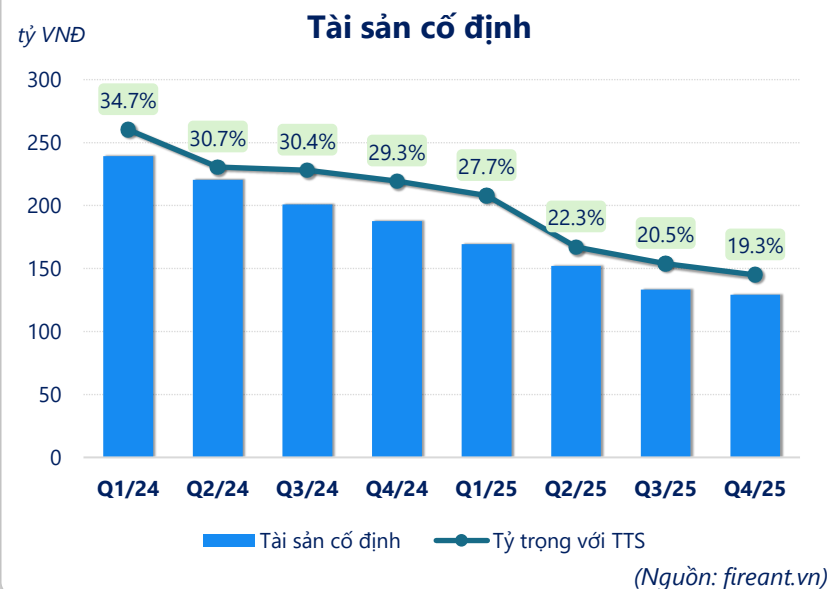
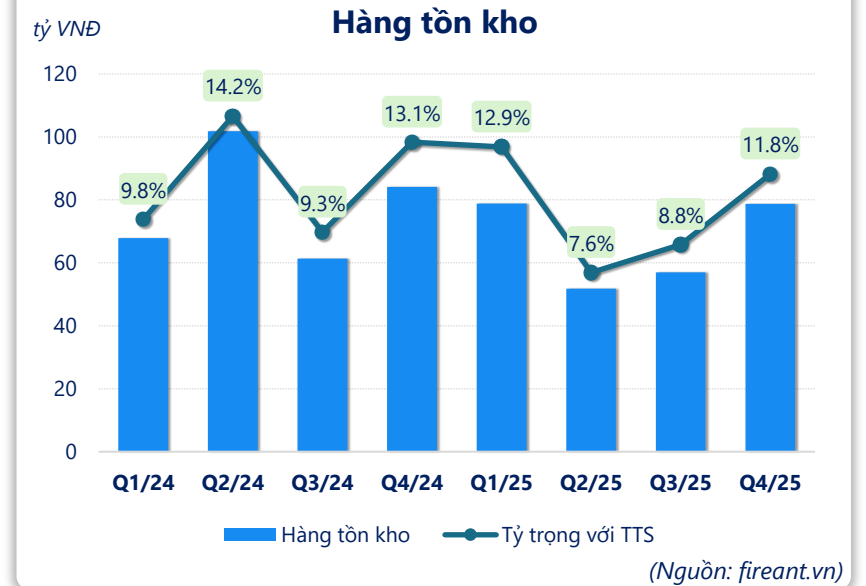
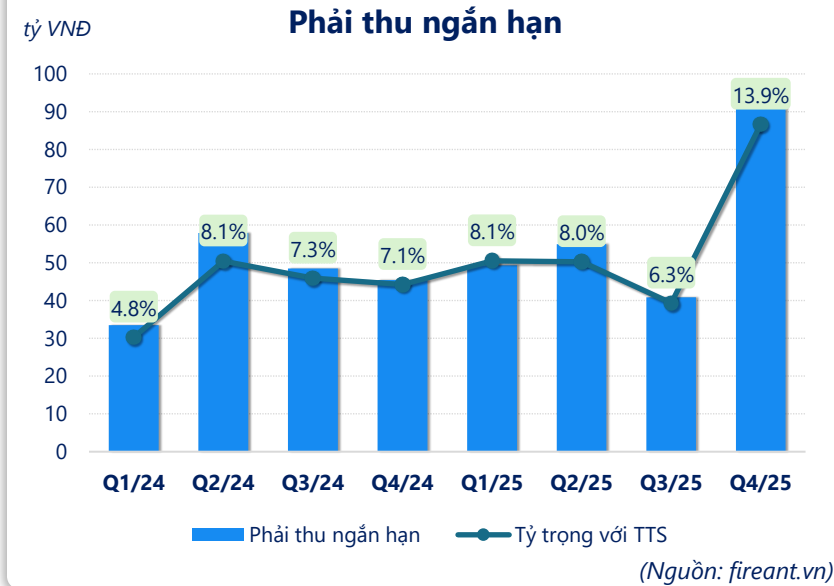
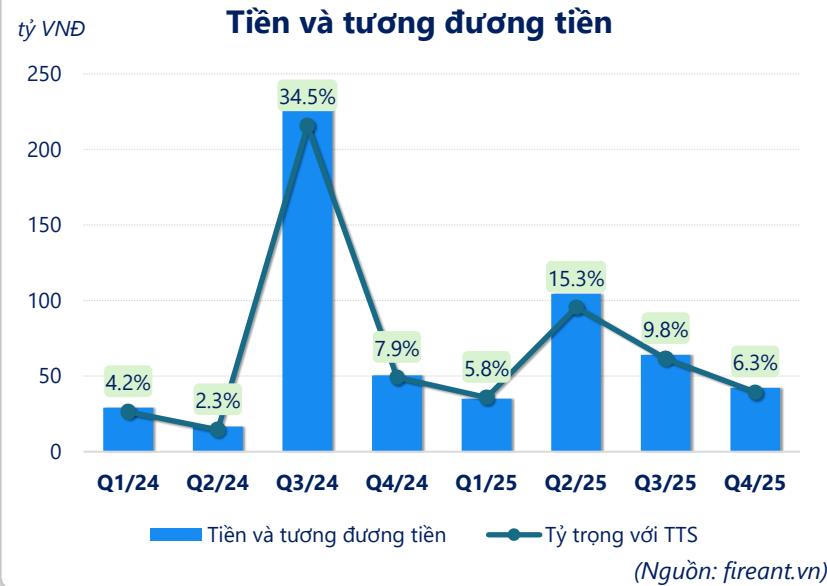
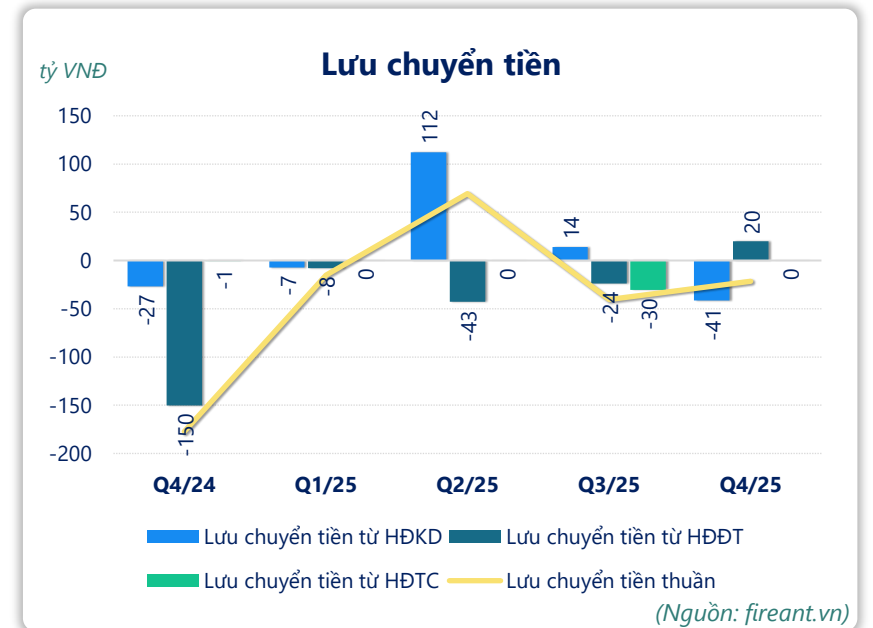
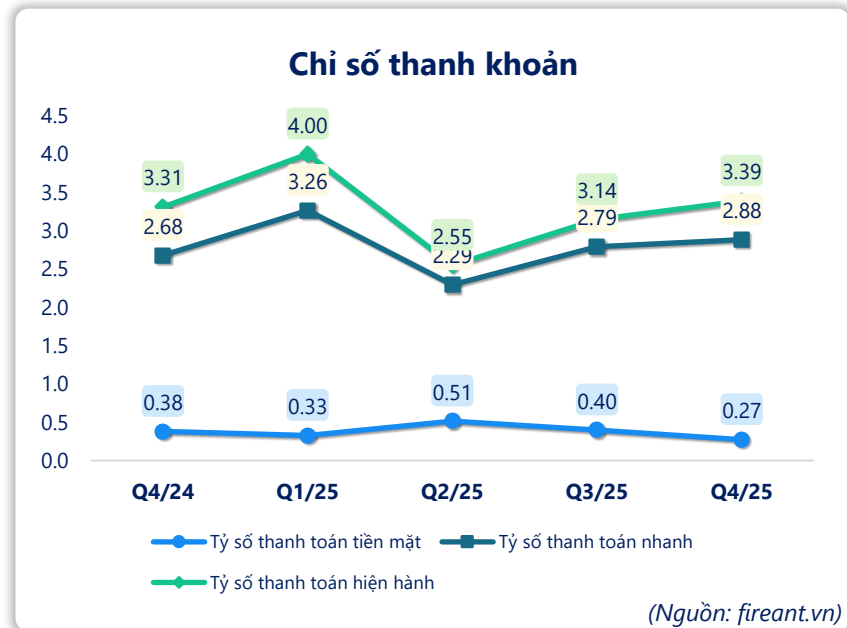
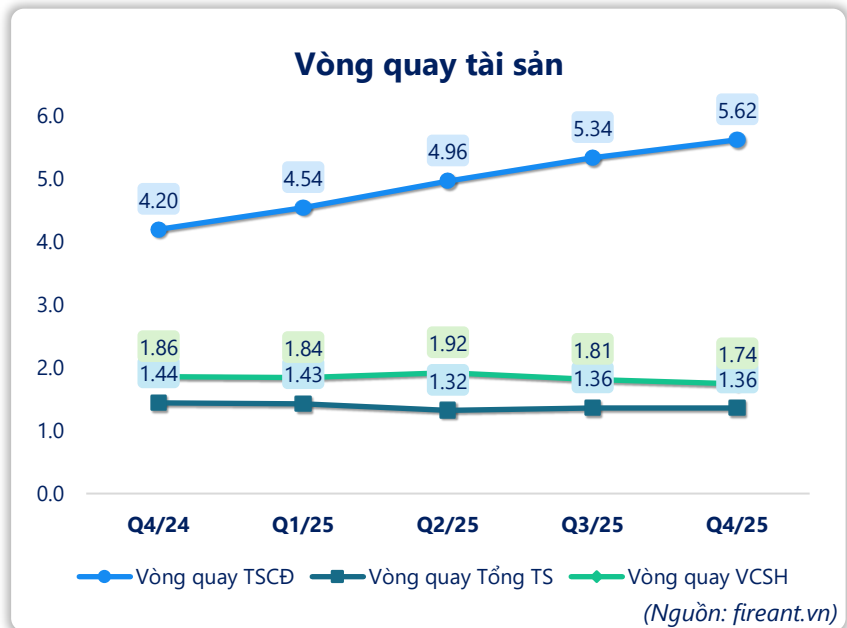
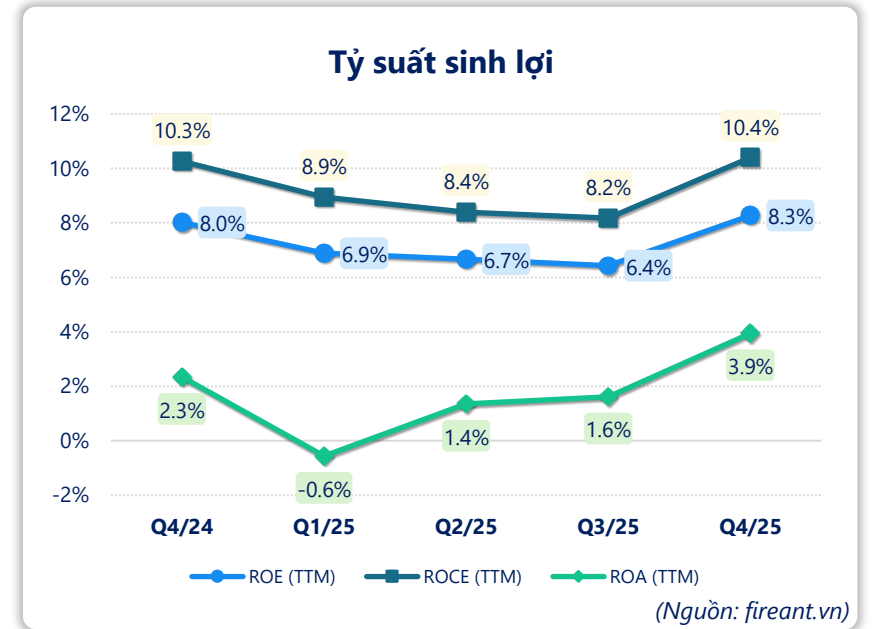
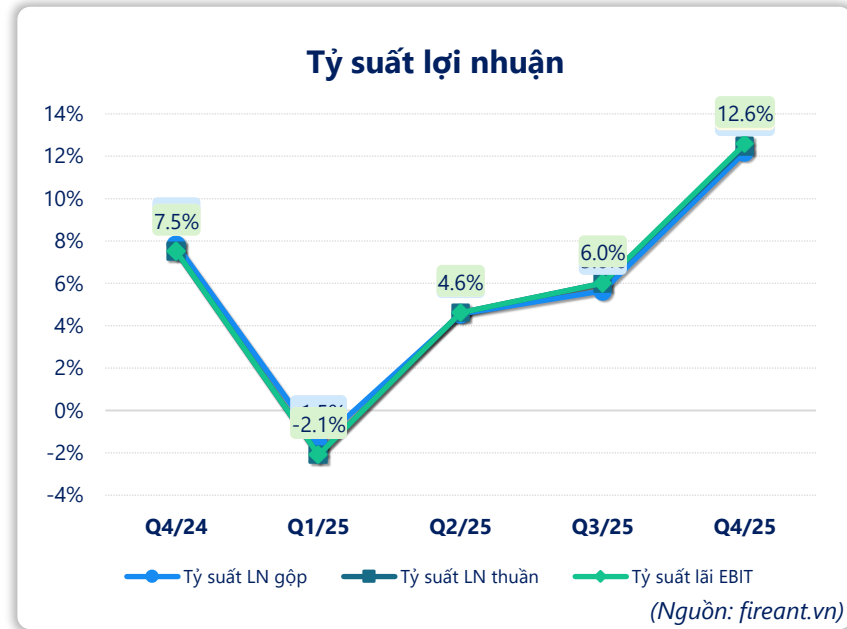
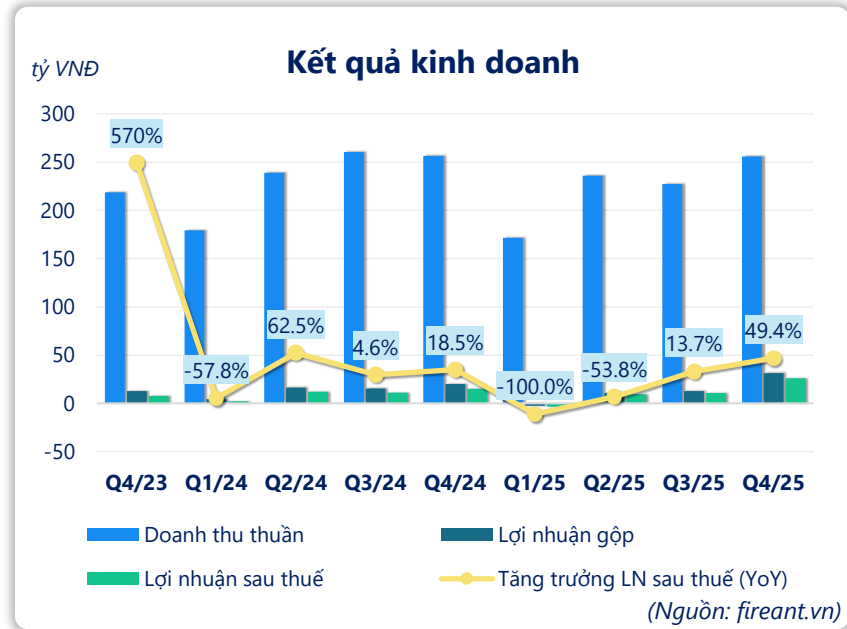


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,000
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		560
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		468
P/E		11.1
EPS		939

	YTD	1T	3T	6T
BSL	10.6%	1.0%	4.0%	4.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	669	641	4.3%
Tài sản ngắn hạn	527	440	19.6%
Tiền và tương đương tiền	42.3	50.4	-16.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	313	260	20.5%
Phải thu ngắn hạn	92.8	45.4	104%
Hàng tồn kho	78.7	84.0	-6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.78	-72.8%
Tài sản dài hạn	143	201	-29.1%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	129	188	-31.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.24	0.24	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.0	13.3	-1.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	156	133	16.9%
Nợ ngắn hạn	155	133	16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	26.6	21.2	25.5%
Nợ dài hạn	0.17	0.17	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	514	508	1.1%
Vốn chủ sở hữu	514	508	1.1%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	257	172	236	227	256
Giá vốn hàng bán	237	174	225	214	224
Lợi nhuận gộp	20.0	-2.62	10.7	12.8	31.2
Doanh thu HĐTC	3.47	2.95	3.64	4.24	4.33
Chi phí TC	0	0.00	0	0	0.03
Chi phí lãi vay	0	0.00	0	0	0.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.35	0.23	0.05	0.00	0
Chi phí QLDN	3.92	3.69	3.43	3.41	3.60
LN thuần từ HĐKD	19.2	-3.60	10.9	13.7	31.9
Lợi nhuận khác	0	0.00	0.00	0.00	0.27
LN trước thuế	19.2	-3.61	10.9	13.7	32.2
Lợi nhuận sau thuế	15.2	-3.64	9.47	10.6	25.8
LNST của CĐ cty mẹ	15.2	-3.64	9.47	10.6	25.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-26.7	-7.38	112	13.9	-41.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-150	-7.93	-42.8	-23.9	19.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.60	-0.01	-0.11	-30.4	-0.02
Tiền đầu kỳ	228	50.4	35.1	104	64.0
Lưu chuyển tiền thuần	-177	-15.3	69.3	-40.4	-21.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.4	35.1	104	64.0	42.3

(Nguồn: fireant.vn)